

VÂN ĐỒN VÀ VÙNG ĐÔNG BẮC DƯỚI CÁC TRIỀU LÝ, TRẦN (THẾ KỶ XI-XIV)

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI*

Vân Đồn thuộc tỉnh Quảng Ninh ngày nay. Xưa, Quảng Ninh được gọi là Hải Đông. Hải Đông thời Lý, Trần nằm về phía Đông Bắc đất nước. Các triều Đinh, Tiền Lê, Lý đều gọi là đạo Hải Đông, đời Trần gọi là lộ Hải Đông, đời Lê đổi là lộ An Bang. Thời Quang Thuận đặt làm Thừa tuyên An Bang. Thời Lê Trung hưng do kiêng húy của vua Anh Tông đổi làm Quảng Yên (1). Hải Đông - An Bang - Quảng Yên là những tên gọi khác nhau qua những thời kỳ lịch sử khác nhau của tỉnh Quảng Ninh ngày nay. Hải Đông - Quảng Ninh, phía Đông giáp biển lớn (biển Đông), phía Tây giáp các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang, Hải Dương, phía Nam giáp Tp. Hải Phòng, phía Bắc giáp Trung Quốc. Đây là vùng điều kiện tự nhiên phú cho nhiều tiềm năng quân sự, kinh tế: "sông lớn mênh mông quanh vòng bao bọc các núi cao chót vót, châu nọ huyện kia cách biệt nhau như ở cõi khác. Phong thổ và nhân vật đông đúc, giàu thịnh, việc buôn bán lưu thông tấp nập; cũng là chốn phồn hoa ở trần ngoài, mà thật là nơi hình thắng của nước Nam" (2). Vùng biển Hải Đông có hơn 3.000 đảo lớn nhỏ, trong đó có đảo diện tích rộng 251km², như tấm lá chắn thiên hiểm phòng thủ trên hướng biển Đông Bắc (3).

Hải Đông là cửa ngõ quan trọng của Đại Việt. Từ Hải Đông có các đường giao thông thủy, bộ nối liền miền biển với đồng bằng Bắc Bộ ngày nay, có đường sang Trung Quốc, có đường biển mà nhiều thuyền bè các nước tụ tập trao đổi, buôn bán hàng hóa.

Với điều kiện tự nhiên như vậy khiến Hải Đông nói riêng và vùng Đông Bắc nói chung sớm trở thành con đường chiến lược trong các cuộc tiến công xâm lược Việt Nam của các triều đại phong kiến Trung Quốc. Kết quả khai quật khảo cổ học ở Khu mộ Hán Đá Bạc cho thấy, khoảng đầu thế kỷ II đến đầu thế kỷ III, tầng lớp thống trị nhà Đông Hán đã phát hiện ra tầm quan trọng về mặt kinh tế của vùng hải đảo xa xôi này, đã đến đây sinh sống, định cư. Họ đã xây dựng trị sở trên địa điểm nào đó của các hòn đảo Cái Bàn, Vân Hải.

Từ thế kỷ X, khi dân tộc được độc lập, các vương triều Ngô, Đinh, Tiền Lê đều chú trọng xây dựng các căn cứ, chốt thủy quân ở vùng Đông Bắc, trọng tâm là cửa sông Bạch Đằng. Tại đây đã diễn ra nhiều chiến thắng lẫy lừng của dân tộc. Ngô Quyền bắt được Hoàng Thao, đánh bại quân Nam Hán. Trần Hưng Đạo bắt được Ô Mã Nhi,

* PGS.TS. Viện Sử học

đánh bại quân Nguyên xâm lược. Biển là con đường giao thông quốc tế quan trọng nhất của quốc gia Đại Việt, là trung tâm nối Đại Việt với các nước xung quanh. Các cửa biển Hội Thống, Cần Hải (thuộc tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh ngày nay) (4), Hội Triều (Thanh Hóa) và đặc biệt là Vân Đồn là những trung tâm thương mại lớn thời Lý, Trần. Ở các hải khẩu như Tinh Hoa (5), Trần Phu chép trong *An Nam tức sự* rằng: "Thuyền bè các nước ngoài đến tụ hội ở đây, mở chợ ngay trên thuyền, cảnh buôn bán thật là thịnh vượng" (6). Nhưng quá trình biến đổi địa lý khiến các cửa biển ở Nghệ An, Hà Tĩnh cạn dần, thuyền bè đi lại khó khăn, hải cảng Vân Đồn trở thành trung tâm buôn bán thịnh vượng.

Về vị trí Vân Đồn đã có khá nhiều công trình nghiên cứu (7), vai trò quan trọng đặc biệt của Vân Đồn và Hải Đông về quân sự, an ninh, thương mại đã được khẳng định. Nhà Lý và nhất là nhà Trần đã hết sức chú trọng canh phòng, bảo vệ nơi phen đậu thứ hai này.

Qua ghi chép trong sử sách, các nhà nghiên cứu đều thống nhất cho rằng: "*Thương cảng Vân Đồn được lập trên một hòn đảo trong vùng vịnh Bái Tử Long kín đáo*" (8). Vịnh Bái Tử Long có hàng nghìn hòn đảo muôn hình muôn vẻ. Nguyễn Trãi trong *Ức Trai thi tập* đã làm bài thơ "*Vân Đồn*", mô tả con đường đến Vân Đồn qua rất nhiều núi nhưng cảnh thì đẹp vô cùng. Đây lại là nơi người Phiên (người nước ngoài) đến đỗ tàu (9). Phần *Chú thích* của bài thơ đã chỉ rõ: "Vân Đồn là hải cảng ngoài thương của nước ta ở thời Lý, Trần, tàu ngoại quốc đến nước ta chỉ được đậu ở đây, không được vào nội địa. Nước ta xưa gọi người ngoại quốc là người Phiên, theo tiếng người Trung Quốc dùng để gọi người các nước thuộc phương Tây và phương Bắc"

(10). Phương Đình Nguyễn Văn Siêu đã mô tả vị trí núi Vân Đồn và huyện Vân Đồn như sau: "Núi Vân Đồn ở phía Đông Bắc phủ Giao Châu, huyện Vân Đồn ở trong biển lớn. Hai núi đối nhau, một dòng nước chảy qua giữa. Thuyền buôn của các phiên quốc phần nhiều họp ở đây" (11).

Cảng Vân Đồn được nhà Lý khai mở thông thương vào năm 1149, hoạt động ngày càng nhộn nhịp suốt thời Lý và thời Trần. Thương thuyền nước ngoài đến đây buôn bán rất đông. Hiện tượng thuyền bè nước ngoài tụ tập buôn bán ở Vân Đồn được *Đại Việt sử ký toàn thư (ĐVSKTT)* chép như sau: "Kỷ Tỵ, năm thứ 10 (1149). Mùa Xuân, tháng 2, thuyền buôn ba nước Trảo Oa, Lộ Hạc, Xiêm La vào Hải Đông, xin ở lại buôn bán, bèn cho lập trang ở nơi hải đảo gọi là Vân Đồn để mua bán hàng hóa quý, dâng tiến sản vật địa phương" (12). Tại đây đã phát hiện được những mảnh gốm vỡ các loại, phần lớn là đồ gốm men ngọc thời Lý, đồ gốm men nâu thời Trần và đồ gốm men lam thời Lê được xuất khẩu ra nước ngoài (13). Vân Đồn ra đời từ nửa cuối thế kỷ XII, lúc đầu là đơn vị trang, đến thời Trần nâng lên thành trấn (ngang với cấp lộ), đến thế kỷ XIX, trở thành một châu thuộc phủ Hải Đông (14). Và, lý giải vì sao lại có tên gọi Vân Đồn, Phan Huy Chú chép: "Trong năm Thiệu Minh đời Lý Anh Tông có thuyền buôn của các nước ngoài là Qua Oa, nước Lộ Hạc, nước Tiêm La, đều đến đỗ xin một chỗ ở đây để buôn bán. Vua cho ở, lập các trang trại ở cạnh bờ biển nên mới gọi là *Vân Đồn* (TG. nhấn mạnh). Từ đấy trở đi là nơi khách buôn ở đông đúc. Thời Trần, quân Nguyên đi lại, tướng nhà Trần thường nhử quân Nguyên vào đấy rồi đánh để lập công (15)" (16). Tác giả Đỗ Văn Ninh dựa trên tư liệu khảo cổ học đã nhấn mạnh đến sự

phồn vinh của thương cảng Vân Đồn dưới thời Lý, Trần. Tác giả cho biết: "Trong số những di vật đồ sứ thì di vật thời Lý chiếm số lớn. Tiên thời Tống đã tìm thấy hầu như gần đủ mặt các loại tiền của các triều vua Bắc Tống và Nam Tống". Và, "Trung tâm mậu dịch Vân Đồn, qua những hiện vật khảo cổ đã tìm thấy, đã có *những ngày phồn vinh bậc nhất dưới thời Lý*" (17). Thời Trần là thời phồn vinh của thương cảng Vân Đồn. Qua kết quả khảo sát của các nhà khảo cổ học những năm 1967-1969 đã phát hiện được một hệ thống bến thuyền cổ trong vịnh Bái Tử Long như bến Cái Làng, bến Cống Cái, bến Con Quy (đảo Hải Vân); đảo Ngọc Vũng; đảo Cống Đông. Đi vào đất liền còn gặp các bến Gạo Rang trong vịnh Cửa Lục, lên phía Bắc là bến Vạn Ninh (Móng Cái). Hai bến này là đầu và cuối của hệ thống bến cổ thuộc cảng Vân Đồn. Ở đây phát hiện số lượng di vật rất phong phú. Nổi bật hệ thống các bến thuyền cổ này là "con đường xuyên vịnh Bái Tử Long để lên ngược xuống xuôi và vào đất liền vùng Bắc Bộ. Con đường này gần như trùng hợp hoàn toàn với con đường thủy ngày nay mà tàu chở khách chở hàng đi từ Hải Phòng lên Móng Cái vẫn men theo. Rõ ràng sự lựa chọn của đời xưa và đời nay hoàn toàn thống nhất về những địa điểm thuận lợi trên vùng đảo" (18).

Nhà Lý chú trọng củng cố vùng *biên giới phía Bắc* (19) thì nhà Trần tiến lên vùng *Đông Bắc*, hải cảng Vân Đồn là một trung tâm thương mại quốc tế quan trọng. Vân Đồn còn có giống trai sinh ra trên châu, Cao Hùng Trưng trong *An nam chí nguyên* chép: "*Chân châu do giống trai sinh ra ở bể Vân Đồn, thuộc Tỉnh Yên. Viên giám sát về việc mò châu phải cầu thần, thần mới cho châu to. Những người buôn bán miền biển nói: năm nào đem Trung thu có trăng thì năm ấy nhiều trân châu*" (20). Cho nên, vùng biển

này không chỉ là huyết mạch giao thông trong quân sự, thương mại mà còn đem lại những lợi ích kinh tế. Vân Đồn vì thế mà trở nên hết sức quan trọng đối với an ninh, quốc phòng, kinh tế của đất nước.

Fernand Braudel (1902-1985) (21) trong tác phẩm: *La Méditerranée et le monde méditerranéen à l'époque de Philippe II* đã chọn nội dung "Đấu tranh giành quyền thống trị thế giới Địa Trung Hải" để nghiên cứu, nhằm giải thích một vấn đề lớn hơn là tiến trình lịch sử của loài người. Và người hùng trong tác phẩm "Vùng Địa Trung Hải..." không phải là vua Philip II mà chính là *biển Địa Trung Hải*. Qua tác phẩm này, Braudel cho rằng *Địa lý đóng vai trò quyết định, nếu không muốn nói là tất định trong lịch sử nhân loại*" (22).

Với vai trò "quyết định" về vị trí địa lý của Vân Đồn và vùng Đông Bắc đối với đất nước, nhà Lý và nhất là nhà Trần hết sức chú trọng bảo vệ. Thuyền buôn nước ngoài chỉ được phép dừng lại ở vùng Đoạn Sơn (huyện Vân Đồn) và không được ghé vào đất liền vì sợ người ngoài dò thấy hư thực của mình. Và, cũng do vị trí chiến lược trọng yếu của Vân Đồn đối với vùng biển Đông, một vị trí xung yếu trên con đường biển Trung Quốc - Việt Nam - Đông Nam Á mà triều đình nhà Trần đã cất cử một bộ phận quân thủy đến để tăng cường cho vị trí chiến lược này. Đó là quân đội của Trần Khánh Dư. Mặc dù lúc đó Trần Khánh Dư đang bị trị tội nhưng là người tài nên được vua phục hồi quan chức, trao cho chức Phó Đô tướng cầm quân trấn trị ở Vân Đồn, làm nhiệm vụ bảo vệ vùng Đông Bắc. Tại đây, các quân trang (chư trang quân) hình thành từ thời Lý cùng với quân đội của Trần Khánh Dư tăng cường cho Vân Đồn. Nếu so với thời Lý trước đó và thời Lê sau này thì nhà Trần bảo vệ Vân Đồn khá chặt

chế. Rào gổ được dựng lên quanh những nơi buôn bán và bãi biển xung yếu của đảo. Trần Khánh Dư còn ngăn chặn quân Trung Quốc trà trộn vào bằng cách cho quân trang Vân Đồn đội nón Ma Lô, một loại nón được sản xuất từ hương Ma Lô, Hồng lộ (nay là tỉnh Hải Dương) để dễ dàng nhận ra quân Đại Việt, vì người Vân Đồn phần lớn làm nghề buôn, cách ăn mặc đều giống như người phương Bắc. Do tầm nhìn chiến lược sắc sảo và tài bố trí quân mạnh tướng tài nên quân đội của Trần Khánh Dư đã chặn đánh được đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ vào ngày 13-2-1288, góp phần quan trọng vào chiến thắng huy hoàng trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ ba.

Vân Đồn từ đơn vị trang thời Lý được nâng lên thành trấn thời Trần (năm 1349). Sự phát triển giao thương ở Vân Đồn (23) trong suốt thời gian dài từ nửa cuối thế kỷ XII - thời Lý cho đến nửa đầu thế kỷ XIV - thời Trần đã hết sức nhộn nhịp và trong đó tiềm ẩn yếu tố đe dọa đến an ninh của quốc gia nên triều đình nhà Trần đã tăng cường kiểm soát Vân Đồn chặt chẽ. Triều đình cho đặt quan cai quản: Vân Đồn như một trọng trấn gồm có quan Trấn (võ tướng nắm giữ), quan Lộ (văn quan nắm giữ) và quan Sát hải sứ (quan kiểm soát mặt biển) và đặt ở đây một đội quân riêng gọi là quân Bình Hải, có nhiệm vụ tuần tra, bảo vệ vùng biển Đông Bắc, đồng thời kiểm soát an ninh trong hoạt động ngoại thương. *DVSKTT* chép: "Tháng 11 (năm 1349), đặt quan trấn, quan lộ và Sát hải sứ ở trấn Vân Đồn, lại đặt quân Bình Hải để đóng giữ" (24). Nhiệm vụ của quân Bình Hải ở Vân Đồn được xác định rõ: "là để ngăn giữ giặc Hồ (quân Nguyên)" (25), đồng thời quản lý thuyền bè nước ngoài tới nơi này buôn bán ngày càng đông, nhất là thuyền buôn Trung Quốc. Đội

quân Bình Hải ngày càng được bổ sung lên tới 30 đô, mỗi đô 80 người, 30 chiến thuyền, mỗi thuyền có khoảng 30 tay chèo.

Khác với thực dân Pháp sau này, thường *sử dụng các nhà truyền giáo* để thực hiện âm mưu xâm lược Việt Nam, thời Lý, Trần, các triều đại phong kiến phương Bắc thường *sử dụng các thương gia* do thám tình hình Đại Việt. Từ xa xưa, hoạt động của thương nhân không chỉ với vai trò là buôn bán, trao đổi hàng hóa mà trong số họ, tuy là số ít nhưng có người làm nhiệm vụ truyền đạo (đạo Phật), cũng có người làm nhiệm vụ "điệp viên". Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, những thương thuyền đã từng thực hiện vai trò truyền bá Phật giáo. Khoảng thế kỷ II - I tr. Cn, đạo Phật vào Việt Nam bằng hai con đường, một con đường từ Ấn Độ vào *theo thuyền buôn qua đường biển* và một con đường từ Trung Quốc truyền sang. Trung Quốc thường *sử dụng thương nhân* nước mình do thám tình hình Đại Việt và liên lạc với nội gián của Đại Việt trong các cuộc chiến tranh. Trần Ích Tắc đã từng nhờ *khách thương* Trung Quốc ở Vân Đồn đem thư cầu viện nhà Nguyên. Điều đó lý giải vì sao *kiểm soát hoạt động ngoại thương* lại được các nhà nước Lý, Trần (và sau này là nhà Lê) đặt ra như một *quốc sách quan trọng*. Học giả Đào Duy Anh đã viết: "Sự phòng thủ Vân Đồn và sự kiểm sát ngoại thương ở Vân Đồn là những việc đặc biệt quan trọng. Cái nhu yếu tự vệ của nhà nước phong kiến tự chủ Việt Nam đã quyết định cái xu hướng kiểm sát ngoại thương của nhà nước. Sự kiểm sát ngoại thương ngày càng chặt chẽ, sau này, đến thời nhà Lê, sẽ thành chính sách bế quan tỏa cảng nghiêm mật" (26). Tuy nhiên, những chính sách đó có làm hạn chế hay ngăn cản hoạt động thương mại hay không cũng cần tiếp tục nghiên cứu (27). Mặc dù

nhà Trần thực thi chính sách kiểm soát hoạt động ngoại thương, nhưng không có nghĩa là hoạt động giao thương bị dừng lại mà ngược lại, nó vẫn không ngừng diễn ra. Năm 1360, năm Đại Trị thứ ba đời Trần Dụ Tông "Mùa Đông, tháng 10, thuyền buôn của các nước Lộ Hạc (Lộ Lạc), Trà Oa (Trảo Oa- Java), Xiêm La đến Vân Đồn buôn bán, tiến các vật lạ" (28). Đồ sứ thời Trần là mặt hàng quan trọng được xuất khẩu ra nước ngoài. Kết quả khai quật khảo cổ học cho thấy "Đồ sứ Việt Nam thời Trần rõ ràng đã sánh kịp - nếu không nói là hơn - đồ sứ Trung Quốc và là một nguồn hàng xuất khẩu quý" (29).

Ngoài Vân Đồn, các cửa biển xung yếu thuộc Hải Đông cũng được nhà Trần cho quân đóng giữ như Mũi Ngọc, An Bang, Lục Thủy.

Một hệ thống các thái ấp được nhà Trần bố trí ở vùng Đông Bắc. Nếu như theo đường thủy, từ Khâm châu vào Việt Nam theo hướng Tây - Nam, một ngày đến châu Vinh An, theo trại Đại Bàn (đảo Kế Bào ngày nay) thuộc Ngọc Sơn, tới Vinh Thái, Vạn Xuân (vùng Vạn Kiếp, sông Lục Đầu) liền tới Thăng Long, thuyền đi mất 5 ngày (30). Như vậy từ Vân Đồn đến Kinh Đô Thăng Long theo đường thủy có thể số ngày ngắn hơn nhưng hệ thống các thái ấp, thang mộc ấp ở đây là những chốt quân sự quan trọng có thể từng bước chặn đường tiến quân của quân xâm lược. Vùng hải cảng Vân Đồn có quân Bình Hải và quân của Trần Khánh Dư. Vùng cửa ngõ Đông Bắc có thái ấp Tĩnh Bang (nay thuộc Vĩnh Bảo, Hải Phòng) của Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tăng. Xuôi về Chí Linh (Hải Dương) là thái ấp Vạn Kiếp, chốt quân sự quan trọng.

Vạn Kiếp (nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương), không chỉ là thái ấp của nhân vật lịch sử nổi tiếng tài giỏi, mà còn là một địa điểm hiểm yếu về mặt quân sự.

Không phải ngẫu nhiên mà Trần Hưng Đạo từ vùng A Sào (Quỳnh Phụ - Thái Bình) được triều đình điều về trấn giữ vùng Vạn Kiếp từ sau cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ nhất (1258). Vạn Kiếp với trung tâm điểm là thung lũng Kiếp Bạc (thuộc hương Vạn Kiếp, lộ Lạng Giang thời Trần). Kiếp Bạc có sông, núi hùng vĩ bao quanh, tiện lợi cả đường thủy lẫn đường bộ. Quân xâm lược từ phương Bắc xuống, từ biển Đông vào đều chiếm lấy vùng núi Kiếp Bạc làm căn cứ quân sự để tiến quân vào kinh đô Thăng Long, hoặc kiểm soát đầu mối giao thông quan trọng phía Đông Bắc đất nước Đại Việt. Từ Kiếp Bạc có sáu đường sông (*Lục Đầu giang*) để tiến về Thăng Long, ra biển, lên phía Bắc, vào đồng bằng. Đó là *sông Đuống, sông Cầu, sông Thương, sông Kinh Thầy, sông Thái Bình và một nhánh của sông Thái Bình đổ vào huyện Lang Tài* (Bắc Ninh) (31). Sông Thương chảy vòng phía Tây của Kiếp Bạc, còn gọi là sông Sách. Sông Lục Đầu thời Trần gọi là sông Bình Than. Nơi đã diễn ra Hội nghị vương hầu, bách quan bàn kế sách giữ nước (12-1282). Sáu đầu sông dồn về Vạn Kiếp. Đó là căn cứ tự nhiên của thủy quân Đại Việt. Ra cửa Bạch Đằng, vào sông Thương, vào sông Cầu, vào sông Đuống, quân Đại Việt đóng thuyền ở bến Lục Đầu thì có thể dễ dàng và nhanh chóng đi bất cứ đường nào. Phía Đông Nam Kiếp Bạc là vùng núi Phả Lại. Phía Bắc là thung lũng Vạn Yên. Chảy giữa thung lũng là sông Vang, dòng sông này là phương tiện để thuyền bè vào sát chân núi Rồng.

Ở Chí Linh còn có hai thái ấp nữa, một của Chiêu Vũ Đại vương Trần Quốc Chẩn và một của Thượng tướng Trần Phó Duyệt. Ngoài thái ấp, hai ông còn có điền trang riêng. Về Thái ấp của Thượng tướng Trần

Phó Duyệt, *ĐVSKTT* đã chép: “Châu Chí Linh vốn là của riêng của Thượng tướng Trần Phó Duyệt...” (32), nhưng do không còn dấu vết và không có tư liệu nên không thể mô tả cụ thể. Còn về thái ấp, diên trang của Chiêu Vũ Đại vương Trần Quốc Chẩn, *ĐVSKTT* đã từng nhắc đến: “*Quốc Chẩn ở Chí Linh*”. Tư liệu địa phương cho biết, đền thờ Trần Quốc Chẩn ở xã Văn An (huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương), nay không còn. Sau này, nhân dân xây lại nhưng chỉ mang tính tượng trưng. Trước đây quanh đền thờ còn một khu ruộng gọi là ruộng “Tứ nhà” (Đông - Tây - Thượng - Hạ) khoảng 40 mẫu, do Trần Quốc Chẩn để lại làm ruộng thờ mình (33).

Từ Chí Linh (Hải Dương) theo sông Hồng về Hưng Yên (thời Trần là Khoái lộ) là ấp thang mộc của tướng quân Nguyễn Khoái. Từ Hưng Yên về cửa ngõ phía Bắc của Kinh thành Thăng Long là thái ấp của Trần Quang Triều. Sự bố trí tương đối dày đặc các thái ấp ở Chí Linh và dọc đường nước từ Chí Linh đến Thăng Long thể hiện tầm chiến lược quân sự của triều đình nhà Trần trong việc bảo vệ Thăng Long và sự phòng thủ đặc biệt đối với vùng Đông Bắc trọng yếu của đất nước.

Tư liệu văn bia còn cung cấp thêm địa điểm đất phong (có thể là thái ấp hoặc thang mộc ấp) ở huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Trong *Bia đất Tam Bảo núi Thiên Liêu* (Bia về đất Tam Bảo núi Thiên Liêu-Thiên Liêu sơn tam Bảo địa) được tìm thấy trên núi Thung (34) (xưa gọi là núi Thiên Liêu), ở xã Yên Đức, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh nằm trong dãy núi Yên Tử, một danh thắng bậc nhất của Việt Nam. Văn bia cho biết, trang Ma Liễu (nay là xã Yên Đức, huyện Đông Triều) là đất đai của Đỗ Khắc Chung và vợ ông là công chúa Bảo Hoàn. Đỗ Khắc Chung là quan chức cao cấp của triều

Trần, do có nhiều công lao trong các việc nội trị và ngoại giao của triều đình, nên được ban họ Trần (Trần Khắc Chung). Ông được nhà vua gả cho công chúa Bảo Hoàn. Vào năm Trung Hưng (1285-1293), người Nguyên vào cướp, cha mẹ Bảo Hoàn hàng giặc, ruộng đất, tài sản đều bị tịch thu sung công. Đến khi vua Trần Anh Tông lên ngôi, xuống chiếu trả lại. Trang Ma Liễu có thể là đất phong của cha mẹ Bảo Hoàn (35). Tấm bia này là tài liệu duy nhất nói về tình hình diên sản của Trần Khắc Chung ở vùng Đông Triều. Nhưng đồng thời cũng cho thấy chi tiết quan trọng là cha mẹ công chúa Bảo Hoàn được phong cấp đất đai ở đây, khiến cho số lượng thái ấp, thang mộc ấp ở vùng Đông Bắc này thêm nhiều, càng chứng minh thêm tầm quan trọng của vùng đất này.

Điều cần nhấn mạnh nữa là, vùng Đông Bắc không chỉ quan trọng bởi hải cảng Vân Đồn mà ở đây còn có trung tâm Phật giáo lớn nhất nước - Thiên phái Trúc Lâm. Sự hiện diện của Thiên phái này ở Yên Tử với nhà Thiền học - Nhà vua - Thái thượng hoàng tài giỏi, uyên bác (vua Trần Nhân Tông, tổ thứ nhất của phái Trúc Lâm) không chỉ đơn thuần là nơi tịnh tâm, nghiên cứu và truyền giảng Thiền học mà còn nhiều khả năng đấng minh quân ngự trên núi Yên Tử hùng vĩ để quan sát động tĩnh nơi biên cương Đông Bắc. Yên Tử được coi là phúc địa thứ tư trong thiên hạ. Lê Tắc trong *An Nam chí lược* cho biết, vào năm Đại Trung Tường Phù (1008-1016), Động Uyên đại sư Lý Tư Thông dâng “Hải nhạc danh sơn đồ” (Địa đồ núi sông danh tiếng) lên vua Tống, có chú rõ: Phúc địa thứ tư (trong thiên hạ) có núi Yên Tử, Giao Châu [Q.1, *Cổ tích*].

Trần Nguyên Đán đã từng dựng am trên núi Côn Sơn không chỉ để di dưỡng tinh thần mà còn để mưu sâu kế xa, giữ yên đất

nước, bảo vệ nhân dân như vua Trần Nghệ Tông ca ngợi ông trong bài Minh khắc trong *Bia động Thanh Hư* (ở núi Côn Sơn, nay thuộc xã Cộng Hòa, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương). Động Thanh Hư do Tư đồ Trần Nguyên Đán sáng lập làm chỗ nghỉ ngơi sau khi nghỉ việc quan. Động cũ không còn. Trên núi Côn Sơn hiện còn tấm bia "Thanh Hư động" (36). Bài Minh ở mặt sau tấm bia đã bị mòn mờ (37). Trong bài Minh, vua Trần Nghệ Tông ca ngợi tài năng, uy vọng và phẩm chất cao thượng của quan Tư đồ Trần Nguyên Đán. Trần Nguyên Đán dựng am trên núi, không phải để tìm lạc thú riêng, mà có ý thưởng ngoạn danh thắng của đất nước. Am là nơi di dưỡng tinh thần, để có mưu sâu kế xa, giữ yên đất nước, bảo vệ nhân dân, đoàn kết rộng rãi các bậc hiền tài, khôi phục nền thịnh trị buổi Trùng hưng (38).

Với hệ thống các thái ấp, thang mộc ấp, kể cả quân đội của Trần Khánh Dư ở Vân Đồn là 8 cái ở phía Đông Bắc của đất nước. 8 vị trí này hợp thành một hệ thống phòng thủ chắc chắn ở vùng Đông Bắc. Từ biên giới Đông Bắc vào Đại Việt, đến Vân Đồn đã có đội thủy quân Bình Hải của triều đình và của Trần Khánh Dư, rồi quân của Trần Khắc Chung ở Đông Triều (Quảng Ninh), đến Tĩnh Bang (Hải Phòng) có quân của Trần Quốc Tảng, đến Chí Linh (Hải Dương) có ba đội quân của Trần Quốc Chấn, Trần Phó Duyệt và Trần Quốc Tuấn, xuôi về Khoái Châu (Hưng Yên) có quân của Nguyễn Khoái, tới Gia Lâm (Hà Nội) có quân của Trần Quang Triều. Hệ thống phòng thủ này quá hoàn hảo, khiến ta liên tưởng tới hệ thống thái ấp ở phía Nam, từ cửa ngõ phía Nam Kinh thành Thăng Long tới Thiên Trường. Trên trục đường nước Bắc-Nam, nối hai trung tâm chính trị lớn nhất nước Thăng Long-Thiên

Trường có các thái ấp Dương Hòa (Duy Tiên, Hà Nam) của Trần Khánh Dư, Quốc Hương (Bình Lục, Hà Nam) của Trần Thủ Độ, Cao Đài (Bình Lục, Hà Nam) của Trần Quang Khải. Điều đó chứng tỏ nhà Trần rất chú trọng bảo vệ những vùng đất trọng yếu của đất nước và quan trọng hơn là giao trách nhiệm cho các vương hầu, quý tộc tài giỏi của triều đình thực hiện nhiệm vụ đặc biệt đó.

Trong sự nghiệp bảo vệ vùng Đông Bắc cũng có sự đóng góp quan trọng của các thái ấp Trần.

Kết luận

Có thể nói, đối với Vân Đồn và vùng Đông Bắc, vai trò của nhà Lý là khai mở Vân Đồn, đưa thương cảng Vân Đồn vào hoạt động và hội nhập với giao thương quốc tế. Trước Vân Đồn, nhà Lý chú trọng đến hai địa bàn là phía Nam và phía Bắc. Phía Nam có các cảng biển như cửa Tha (Thới) và cửa Viên (Quên) ở châu Diên (Nghệ An). ở phía Bắc, chủ yếu giao thương với Trung Quốc ở các Bắc dịch trường thuộc Ung châu, Khâm châu nhưng để duy trì hoạt động giao thương ở Vân Đồn và bảo vệ an ninh quốc phòng của đất nước tại cửa ngõ Đông Bắc này thì nhà Trần đạt đến độ hoàn hảo. Nhà Trần với vai trò của các tướng lĩnh tài giỏi được điều về vùng Đông Bắc không hề là sự ngẫu nhiên, tìm hiểu vấn đề này mới thấy hết tầm chiến lược tài giỏi của vua tôi nhà Trần. Nhờ thế, hoạt động giao thương quốc tế ở Vân Đồn nhộn nhịp và phát triển trong nhiều thế kỷ.

Thời Lý, Trần, những vùng đất được đặc biệt chú trọng để xây dựng thế trận phòng thủ là: miền núi phía Bắc, Tây Bắc, ven biển Đông Bắc, phía Nam và vùng "đất căn bản"- quê hương của triều đại. Đó

là các vùng đất trọng yếu, các triều Lý, Trần không chỉ bảo vệ cẩn thận mà còn nhằm phát huy thế mạnh của những vùng đất đó trong quá trình xây dựng đất nước, bảo vệ nền độc lập dân tộc. Vì thế, nhà Lý, Trần thực hiện nhiều chính sách bảo vệ

hoạt động kinh tế, an ninh, quốc phòng (39).

Thời Lý, Trần, tầm nhìn hướng biển và khai thác các nguồn lợi từ biển không chỉ được nhà nước chú ý mà còn tích cực duy trì và phát triển.

CHÚ THÍCH

(1). Lộ Hải Đông có một phủ gọi là phủ Hải Đông, theo thống kê của Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* gồm "4 huyện, 3 châu: huyện Hoàn Bồ, huyện Yên Hưng, huyện Hoa Phong, huyện Tân Bình, châu Vạn Ninh, châu Văn Đồn, châu Vĩnh An. Theo Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, mục *Dư địa chí*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992, tr. 137. Nhưng dưới chú thích, các dịch giả đã hiệu chỉnh như sau: theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi thì chỉ có châu Tân Yên, không có huyện Tân Bình, có lẽ tên này là do đời Nguyễn mới đặt. Huyện Hoa Phong, sau đổi là Nghiêu Phong, lại đổi là Cát Hải (tức là đảo Cát Bà và một số đảo xung quanh nó. Vạn Ninh- nay là Móng Cái).

(2), (16). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, mục *Dư địa chí*, sdd, tr.137, 137-138.

(3). Xem: *Anh hùng dân tộc thiên tài quân sự Trần Quốc Tuấn và quê hương Nam Định*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000, tr. 336.

(4). *Đại Việt sử ký toàn thư* (ĐVSKTT) chép: Cửa biển Tha, Viên (có lẽ là cửa Thơi và cửa Quèn) ở châu Diễn từ thời Lý thuyền buôn đã đến đậu. Đến thời Trần các cửa biển này nông cạn, nên không phát huy vai trò trong thương nghiệp. Thuyền bè nước ngoài đến Đại Việt buôn bán đã chuyển đến Văn Đồn.

(5). Có lẽ Trần Phu đã dịch nhầm Thanh Hoa là Tinh Hoa ở châu Á (tức Thanh Hóa ngày nay).

(6). Trần Nghĩa: *Một bức ký họa về xã hội nước ta thời Trần* - Bài thơ "An Nam tức sự" của Trần Phu, Tạp chí *Văn học*, số 1-1972, tr. 108.

(7). Về vị trí thương cảng Văn Đồn, xin xem thêm: Đỗ Văn Ninh: *Văn Đồn*, trong *Đô thị cổ Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1989; Trịnh Cao Tường: *Báo cáo sơ bộ về cuộc điều tra nghiên cứu thương cảng Văn Đồn*. 2000, Tư liệu Viện Khảo cổ học; Hán Văn Khẩn: *Đôi điều về gốm thương mại miền Bắc Việt Nam thế kỷ XV-XVII*, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 1-2004; Nguyễn Văn Kim: *Hệ thống thương cảng Văn Đồn qua tư liệu lịch sử và khảo cổ học*, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 4-2006.

(8). Đỗ Văn Ninh: *Huyện đảo Văn Đồn*, UBND huyện Văn Đồn, 1997, tr. 136. Ngày nay, huyện đảo Văn Đồn gồm 600 hòn đảo, diện tích 584 km² được chia thành 2 quần đảo: Quần đảo Hải Vân, diện tích 315 km², quần đảo Cái Bầu, diện tích 269 km². Dân cư được phân bố trên 20 hòn đảo, nơi đông đúc nhất là Thị trấn Cái Rồng, xã Đông Xá, Hạ Long và Quan Lạn. Dân số toàn huyện trên 33.000 dân gồm 8 dân tộc anh em là Kinh, Sán Dìu, Dao, Tày, Hoa, Cao Lan, Mường, Nùng. Xem Đỗ Văn Ninh: *Huyện đảo Văn Đồn*, UBND huyện Văn Đồn, 1997, tr. 5-6.

(9). Nguyễn Trãi: *Văn Đồn*, trong *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, tr. 322.

(10). Chú thích của *Úc Trai thi tập*, trong *Nguyễn Trãi toàn tập*, sdd, tr. 680.

(11). Phương Đình Nguyễn Văn Siêu: *Đại Việt địa dư toàn biên*, Viện Sử học- Nxb. Văn hóa xuất bản, Hà Nội, 1997, tr. 112.

(12). *ĐVSKTT*, tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, tr. 281.

(13), (18). Xem: Đỗ Văn Ninh: *Vân Đồn*. Trong: *Đô thị cổ Việt Nam*, sdd, tr. 161, 158.

(14). Phan Huy Chú mô tả phủ Hải Đông như sau: "Phủ Hải Đông quay lưng vào núi, trước mặt trông ra tới biển, thế đất rộng rãi. Cách con sông lớn là châu Vạn Ninh, lại cách sông là châu Vân Đồn..." (*Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, mục *Dư địa chí*, sdd, tr. 138).

(15). Khoảng năm Trung Hưng (1285-1293) đời Trần, quân Nguyên hai lần sang xâm lấn nước Nam. Thuyền quân đều do lối Hải Đông, Vân Đồn vào sông Bạch Đằng. Phó tướng Trần Khánh Dư, đón đánh quân Nguyên ở Vân Đồn, thuyền gạo của tướng Nguyên là Trương Văn Hồ bị đắm hết. Quân Nguyên vì thế thua to. Theo Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, mục *Dư địa chí*, sdd, tr.138.

(17), (30). Đỗ Văn Ninh: *Huyện đảo Vân Đồn*, sdd, tr. 218, 132.

(19). Dưới triều Lý, vì sợ người Trung Quốc dưới chiêu bài buôn bán để do thám tình hình Đại Việt nên vua Lý chỉ cho phép người nước ngoài được phép buôn bán ở một số địa điểm nhất định và chịu sự kiểm soát của nhà nước. Ngược lại, Trung Quốc cũng vậy, chỉ cho phép thương nhân Đại Việt đến buôn bán ở một số địa điểm thuộc Ung châu, Khâm châu. Các địa điểm buôn bán ở biên giới hai nước được Chu Khứ Phi gọi là "Bác dịch trường" (hoặc bạc dịch trường). Ở Ung châu có hai bác dịch trường lớn: một là trại Hoành Sơn, nơi mua ngựa và các lâm sản, được phẩm của địa phương và muối. Hai là Trại Vinh Bình, một trong các bác dịch trường quan trọng. Nếu như việc buôn bán ở biên giới hai nước tại các địa điểm thuộc châu Ung, châu Khâm diễn ra nhộn nhịp dưới thời Lý thì đến thời Trần lại trở nên mờ nhạt và không thấy ghi chép trong sử cũ. Trước đó, dưới thời Tiền Lê, năm 1009, vua Lê Ngọa Triều đã "câu thông thương với Ung châu" nhưng vua Tống "chỉ cho thông thương với Liêm châu và trấn Như Hồng (tức châu Khâm) thôi", theo *ĐVSKTT*, tập I, sdd, tr.183.

(20). Theo Phạm Trọng Điền, Nguyễn Đồng Chi (dịch): *Một ít tài liệu lịch sử về An nam chí nguyên*, Tập san *Văn Sử Địa*, số 20, tháng 8-1956, tr. 60.

(21). Fernand Braudel (1902-1985) là nhà sử học có đóng góp quan trọng nhất cho phương pháp giải thích lịch sử trong số các sử gia của trường phái Biên niên. Công trình của ông có nhiều ảnh hưởng trong những thập niên 1960 và 1970, đặc biệt với tác phẩm *La Méditerranée et le monde méditerranéen à l'époque de Philippe II* (Vùng Địa Trung Hải và thế giới Địa Trung Hải vào thế kỷ XVI trong thời đại vua Philip II của Tây Ban Nha), Paris: Arinand Colin. David Moon. Đây là quyển sử viết trên một bình diện rộng. Braudel cũng bắt đầu với môi trường địa lý của vùng Địa Trung Hải qua sự mô tả về núi, đồi, đồng bằng, bờ biển, biển... và cách mà chúng đã ảnh hưởng đến lịch sử của vùng này...

(22). Dẫn theo Trần Thị Bích Ngọc: *Lịch sử và phương pháp lịch sử*, Tạp chí *Khoa học xã hội*, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, số 9+10/2007, tr. 68-69.

(23). Về hoạt động giao thương ở Vân Đồn xin tham khảo Nguyễn Văn Kim: *Hệ thống thương cảng Vân Đồn qua tư liệu lịch sử và khảo cổ học*, bdd; tr. 46-66; Nguyễn Thị Phương Chi - Nguyễn Tiến Dũng: *Về các môi giao thương của Quốc gia Đại Việt thời Lý, Trần (thế kỷ XI-XIV)*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 7-2007, tr. 23-38.

(24), (25), (28), (32). *ĐVSKTT*, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr.152, 59, 163, 53.

(26). Đào Duy Anh: *Vấn đề hình thành của dân tộc Việt Nam*, Xây dựng xuất bản, Hà Nội, 1957, tr.84.

(27). Tác giả Đỗ Văn Ninh cho rằng chính sách nhà Trần đưa ra làm hạn chế ngoại thương. Tác giả viết: "Sang thời Trần chế độ tập quyền phát triển cao hơn, mặt khác ba lần chiến tranh xâm lược của quân Nguyên đã làm cho các vua Trần đưa ra những chính sách hạn chế ngoại thương" (Đỗ Văn Ninh: *Huyện đảo Vân Đồn*, sdd, tr. 218-219).

(29). Đỗ Văn Ninh: *Huyện đảo Văn Đồn*, sdd, tr. 220. Đồ sứ thời Trần ngoài đặc điểm kế tục đồ sứ thời Lý, còn có những đặc điểm riêng khỏe mạnh về kiểu dáng, màu men trang trí sơn nâu giản dị nhưng thanh thoát dễ ưa. Nên, nó là một trong những mặt hàng nằm trong danh mục đồ cổ của Đại Việt sang nhà Nguyên.

(31). Có người cho rằng sáu con sông đó là sông Lục Nam, sông Thương, sông Cầu, sông Đuống, sông Thái Bình và sông Kinh Thầy, chắc là nhầm vì sông Lục Nam xa quá (xem *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1976, tr. 567).

(33). Trương Hữu Quýnh: *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI-XVIII*, tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1982, tr. 159.

(34). Bia được phát hiện vào năm 1990. Khi phát hiện, bia được chôn ngập trong đất, kích thước là 1,2m và 0,8m. Trán bia và xung quanh bia không trang trí hoa văn. Bia khắc chữ một mặt, gồm 7 dòng, viết dọc từ trên xuống, từ phải sang trái, hiện còn đọc được 133 chữ (gồm cả 6 chữ đầu đề); độ 24 chữ bị mòn mờ không nhận được. 6 chữ đầu đề bia thì 3 chữ “Thiên Liêu sơn” viết ngang trên trán bia, còn 3 chữ “Tam Bảo địa” lại viết dọc ở giữa bia. Bia hiện còn ở nơi được phát hiện. Viện Nghiên cứu Hán Nôm có giữ một bản rập (chưa có ký hiệu).

(35). Hoàng Văn Lâu: *Bia đất Tam Bảo núi Thiên Liêu*, trong: *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, tập II, Thời Trần, quyển Thượng, National Chung Cheng University Chia Yi- Viện Nghiên cứu Hán Nôm Hà Nội, 2002, tr. 333-334. Xem thêm: Lại Văn Hùng-Phạm Ngọc Lan: *Những di tích văn học*

thời Lý Trần trên đất Đông Triều, Báo Văn nghệ, số tháng 2-1995.

(36). Trán bia khắc 4 chữ triện lớn: Long Khánh ngự thư. Long Khánh là niên hiệu của vua Duệ Tông nhà Trần (1373-1377). Bia động Thanh Hư được dựng ngay sau khi động làm xong. Bia khắc chữ hai mặt. Mặt trước khắc ba chữ lớn “Thanh Hư động”, là bút tích của vua Duệ Tông. Mặt sau khắc bài Minh của Nghệ Tông. Nhưng do bia để lâu ngày, trên mặt bia chỉ còn lại các chữ triện lớn, khắc sâu “Long Khánh ngự thư” và “Thanh Hư động”.

(37). Rất may là bài Minh của Nghệ Tông được Phan Phu Tiên và Chu Xa sưu tập và đưa vào sách *Việt âm thi tập* vào khoảng năm 1433, với đầu đề: *Côn Sơn Thanh Hư động bi minh*, và chú rõ 4 chữ: Nghệ Tông ngự chế. 3 chữ “Ngự thư” của Duệ Tông và bài Minh của Nghệ Tông sáng tác vào năm 1373-1376, trước khi Duệ Tông đi đánh Chiêm Thành và tử trận, và trước khi Nguyên Đán về hưu (1385).

(38). Trịnh Khắc Mạnh: *Bia động Thanh Hư*, trong: *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, tập II, Thời Trần, tập Hạ, National Chung Cheng University Chia Yi- Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội, 2002, tr. 615-616.

(39). Nhà Lý thường gả công chúa cho các tù trưởng ở miền núi phía Bắc. Nhà Trần cũng gả công chúa cho vua Chiêm Thành là Chế Mân ở phía Nam và ra lệnh cho dân trang Văn Đồn không được đội nón giống người phương Bắc. Nhà Trần ra lệnh cho nhân dân không được bắt chước tiếng nói của người Ai Lao và Chân Lạp...